

TUẦN 12: NỘI DUNG GHI BÀI

Trường THCS Hoàng Lê Kha
Week 12 - Period: 23, 24
Date: 22/11 – 27/11

THEME 6: AFTER SCHOOL
LESSON 1: Let's go! (B1 – B3)
LESSON 2: Let's go! (B2)

Grade 7

I.VOCABULARY:

- 1.Go to the movies: đi xem phim
- 2.Assignment (n): bài tập
- 3.**Want +to V_I**: muốn
- 4.Survey(n): cuộc khảo sát, điều tra
- 5.Show (v): cho thấy
- 6.Teenager (n): thanh thiếu niên
- 7.Top (n): hàng đầu
- 8.Fast food (n): thức ăn nhanh
→ fast food restaurant : nhà hàng bán thức ăn nhanh
- 9.Attend (v): tham dự, tham gia
- 10.Youth (n): thanh niên
- 11.Organization (n): tổ chức
- 12.Such as: như là
- 13.Guide (n): hướng dẫn viên
- 14.Music (n)→musical (n): thuộc về âm nhạc
- 15.Instrument (n): dụng cụ, thiết bị
→ **musical instrument** : nhạc cụ âm nhạc
- 16.Coin (n): tiền xu
- 17.Make (v): tạo nên, làm ra
- 18.Model (n): mô hình
- 19.Plane (n): máy bay
- 20.**Help** sb **with** sth:giúp đỡ ai với công việc gì
- 21.Leisure = free (adj): rảnh rỗi
- 22.Join (v): tham gia
- 23.**Thanks for** + **V_{ing}**: cảm ơn về
- 24.It's my pleasure = You're welcome: không có chi
- 25.Wedding (n): lễ cưới
- 26.That's too bad: thật tiếc
- 27.Anyway: dù sao đi nữa

II. Grammar:

Câu đề nghị:

- Let's
 - Shall we
 - Would you like to
 - Why don't you /we
- } + V1 ...
- What about / How about + V-ing ...?

Ex: What about *going* out for dinner tonight?

Câu trả lời: **Đồng ý:** - Good idea. / Great (*tuyệt*) / OK / - Yes, I'd love to.

Không đồng ý: - I'm sorry, I can't. / I'd love to, but ...

Ex: Let's *go* to the cinema.

Shall we *play* football?

Would you like to *go* swimming?